

*(Cứu nghèo yếu, khuyên nông tang làng quê tôn
kinh ví như Mẹ,*

*Trừ tai họa, dấy nét đẹp, nước ban cấp sắc phong
thần).*

- **Đền Sòng** : Thuộc xã Cẩm La huyện Tống Sơn
tỉnh Thanh Hóa, nơi có nhiều truyền thuyết vì lúc
sinh thời của công chúa Liễu Hạnh. Dân gian có
câu : "Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh". Công trình
này do chiến tranh nên bị hư hỏng, mất mát. Nhiều
đồ thờ tự, các câu đối đại tự cũng bị hủy hoại,
hiện nay đang được tu sửa, tôn tạo đáp ứng đời
sống tinh thần cho dân.

Xưa Lê Bộ Hữu thị lang Hà Tôn Quyền dâng câu
đối vào mùa đông niên hiệu Minh Mạng thứ 9
(1828) :

"Khánh Đức tứ niên từ thủy kiến,

Hóa sinh tam độ tích do truyền"

(Khánh Đức năm thứ 4 (1652) đền này mới dựng,

Hóa sinh trải ba độ sự tích còn truyền)

- Câu đối khác do Hà Tôn Quyền dâng :

*"Đệ tam thiên vân vũ vãng lai, Sùng Linh,
Sóc Sơn lưu túc tích,*

*Lịch thiên tài hương yên thi chúc, sở cầu tất ứng
vọng tiên lai).*

Tạm dịch :

*Lên thứ ba mưa gió qua lại, Sùng Linh Sóc Sơn
chân để dấu,*

*Rồi ngàn thuở khói hương cầu vọng, kính thành
trông đợi đức trên ban.*

- **Đền Phố Cát (Tiên Tích linh từ)** tỉnh Thanh
Hóa là ngôi đền có cảnh quan thiên nhiên núi đồi,
cây xanh khe suối rất đẹp. Hà Tông Huân người
xã Kim Vực huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa, đỗ
tiến sỹ năm Bảo Thái thứ 5 (1724), làm quan
thượng thư, tước Huy quận công là người am hiểu
với lai lịch ngôi đền, ông đã tiến cúng câu đối :

*"Vương gia tượng mã phong lai, nan dĩ cường
quyền di tận miếu đường thiên cổ lịch,*

*Dân ý vọng kỳ vân tập, nguyện tương vàng mã
thỉnh nhượng tai họa bất thời lâm".*

Dịch nghĩa :

*Quân, voi, người của nhà vương như gió âm âm
kéo đến, dù vậy khó có thể đem cường quyền trừ
bỏ miếu đền đã từng trải lâu dài,*

*Nhân dân tu hồn như mây kéo đến vọng cầu,
đem theo vàng mã xin giải trừ tai bồng dựng ập tới.*

- Đền Sóc Sơn (Thủy Thạch linh từ) :

Câu đối của Mai Anh Tuấn, tên tự là Lương phu người Nga Sơn Thanh Hóa, đỗ Thám hoa năm thứ ba (1843) niên hiệu Thiệu trị, làm quan Thị đọc học sĩ, đã nghiên cứu lịch sử của Thánh Mẫu dâng câu đối thờ tại đền. Đôi câu đối này ghi việc hạ trần của Mẫu lần thứ ba ở Sóc Sơn Nghệ Tĩnh, có sự trái ngược với các tài liệu ghi mẫu hạ trần ở Tây Mỗ - Thanh Hóa, xin đọc giả suy ngẫm :

*“Sóc Sơn Bích Lĩnh tồn tâm sự,
Giảm thủy Đào Lâm kế túc duyên”.*

Dịch nghĩa :

*Nơi núi Sóc ngọn Bích vẫn còn lời truyền tụng
tâm tư của người con gái,*

*Vùng khe suối rừng Đào là nơi chấp lại mối
duyên xưa.*

- Một câu đối khác cũng của Thám hoa Mai Anh Tuấn dâng tại đền Sóc Sơn :

*“Vi thê sơn Bích lưu minh kính,
Thị Mẫu hương trung hiển lệnh danh”.*

Dịch nghĩa :

*Là người vợ, nơi vách núi còn vẫn tự nêu
gương sáng.*

Lại là mẹ, trong làng quê lừng lẫy tiếng tốt đẹp.

- Đền Tiên (Hải Khẩu linh từ) :

Đền ở trên núi, thuộc thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa, ngôi đền này tuy nhỏ nhưng có địa thế, cảnh quan rất đẹp, nhiều du khách vẫn cảnh hành hương. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) quan Án sát tỉnh Thanh Hóa là Nguyễn Bảo, tên tự là Định Phủ, hiệu là Tĩnh Sơn, người xã Hương Khê huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa đã dâng câu đối vào đền :

*“Lê thì Tiên Mẫu lưu mao xá,
Nguyễn Đại quan dân kiến Thánh từ”.*

Dịch nghĩa :

Thời Lê Tiên Mẫu làm nhà cỏ

Đời Nguyễn quan dân dựng miếu thờ Thánh Mẫu.

Phải chăng đây cũng là địa bàn mà Liễu Hạnh công chúa đã về qua, nhân dân cho đây là vinh hạnh, sẽ được trợ giúp của Mẫu đối với quê hương.

- Nguyễn Đăng Giai có tên tự là Toàn Phu, người xã Phù Chích huyện Lệ Thủy tỉnh Thừa Thiên, đỗ cử nhân năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), làm quan Tổng đốc thượng thư, kinh lược xứ Bắc Kỳ, đã dâng câu đối thờ tại đền Tiên như sau :

*“Hải khẩu hữu Tiên lâm, thuyền lý hạnh phùng
kinh lãng thiếp,*

*Thương nhân vô mẫu trợ, sinh nhai nan tị bất
bình lai”.*

Dịch nghĩa :

*Cửa biển có Tiên về, là điều may không lo thuyền
gặp sóng lớn,*

*Khách buôn không nhờ Mẫu giúp lúc làm ăn
sao tránh khỏi bước gian nan.*

- **Đền Nội Rối :** Xã Bắc Lý huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam thờ tam vị đại vương thời Lê Chiêu Tông. Khi ba ông đem quân đánh Chiêm Thành, đêm mơ thấy Liễu Hạnh công chúa, hai bên có Quế Hoa và tùy tùng theo hầu khá đông. Các ông cầu xin công chúa trợ giúp trên đường đi đánh giặc giúp nước và được Liễu Hạnh bảo sẽ giúp đỡ, cứ việc tiến quân...

Sau khi thắng trận, ba ông được phong thưởng và khi các ông mất, nhân dân lập đền thờ. Trong đền có một ban thờ Mẫu Liễu Hạnh ở vị trí trang trọng, để tỏ lòng cảm tạ Mẫu đã âm phù cho các tướng đánh giặc giữ nước thành công. Bên cạnh đền còn có phủ thờ Tam tòa Thánh Mẫu, càng làm tăng thêm sự ngưỡng mộ của dân làng. Đặc biệt hơn là đền Nội Rối, có câu đối của vua Thiệu Trị dâng như sau :

*“Trợ quốc hữu luân lao, Sùng linh hương dân
truyền Mẫu Tích,*

*Kiến từ tư đức nghiệp, Phú trang thân tướng
vọng tiên lâm”.*

Dịch nghĩa :

*Giúp nước có công to, nhân dân vùng núi Sùng
nhớ mãi công lao của Mẫu,*

*Dựng đền tưởng đức lớn, tướng thân làng Phú
nghĩ đến ơn nghĩa của người Tiên.*

- **Đền Mẫu thôn Đạo Truyền :** Thuộc huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam, đền có tên chữ là “Vọng Vân từ” (trông về mây lành).

Tại đây có sắc phong :

Sắc Hà Nam tỉnh, Bình Lục huyện, Bồ Xá xã,
Đạo Truyền thôn, tông tiên phụng sự Liễu Hạnh
công chúa tôn thân năm trứ linh ứng, hộ quốc tí
dân phong vi trang huy dục bảo trung hưng thượng
đẳng thân.

Khải Định nhị niên tam nguyệt thập bát nhật.

(Sắc cấp cho thôn Đạo Truyền xã Bồ Xá huyện
Bình Lục tỉnh Hà Nam được phụng sự như nếp
cũ, vị thân Liễu Hạnh công chúa. Người anh
linh giúp nước cứu dân, nêu cao công đức giúp cho
sự hưng thịnh nước nhà, là bậc thân thượng đẳng.

Ngày 18 tháng 3 niên hiệu Khải Định thứ
hai (1917).

- Nhân dân địa phương thôn Đạo Truyền tôn công
chúa vào bậc Thành hoàng làng, mong có sự che
chở giúp đỡ đối với địa phương. Bài vị sơn son
thếp vàng, đặt trên long ngai giữa chính tẩm ghi :

“Đương cảnh Thành hoàng Thánh Mẫu tôn thân
sắc phong.

Trang huy dục bảo trung hưng thượng đẳng thân”.

Câu đối của Hàn lâm trước tác, trợ tá huyện
Bình Lục Trịnh Trùng Quang dâng năm Đinh
Mão (1927) ghi :

“Đạo mạc ẩn vi, đức kỳ thịnh hĩ,

Truyền vi vĩnh viễn công tắc tự chi”

Dịch nghĩa :

Đạo rất huyền vi, đức tốt kể sao cho xiết,

Truyền lâu dài mãi, công to xin lập đền thờ.

Hai câu đối ca ngợi công đức và nói sự thiêng
liêng, huyền ảo của Thánh Mẫu, nhưng tác giả
còn khéo dùng chữ Đạo và Truyền ở hai đầu câu
để ghép thành Đạo Truyền, ý nói tình cảm của
Mẫu đối với địa phương này thật đậm đà.

- Tại tỉnh Quảng Ninh xa xôi, ở miền Đông Bắc
Tổ quốc, nơi đây chịu ảnh hưởng của các tập tục
đồng bào ít người, cũng như Hoa kiều. Ấy thế
mà đền thờ Mẫu vẫn được nhân dân và lớp người
có học quan tâm :

- **Đền Cọc Năm :** Phường Hồng Hà, Hồng Gai.
Phan Thanh Giản tên tự là Đạm Như, người xã
An Hòa tỉnh Vĩnh Long, đỗ tiến sĩ năm Minh Mệnh
thứ 7 (1826) chức Thượng thư, từng đi sứ ở Trung
Quốc và Pháp. Ông làm câu đối dâng tại đền :

“Huyền quản nhân gia thiên hạ Mẫu,

Bồng doanh chỉ xích địa trung niên”

Dịch nghĩa :

Mọi nhà đàn sáo ca ngợi Mẫu trong thiên hạ,

*Gang tác gió mây chốn Bồng Đảo, vị tiên tại
trần gian.*

- Hội tập phúc Đông Ba kinh thành Huế, dâng
câu đối ngày 2 tháng 2 năm Minh Mệnh thứ 10
(1828) tại đền Cọc Năm như sau :

“Trình tâm trực Bắc thiên hạ thu nguyệt,

Từ đức hoành Nam vạn cổ vân”

Dịch nghĩa :

*Đất Bắc lấy lòng tiếng kiên trinh, ngàn thu
trăng sáng,*

*Cõi Nam ngợi ca điều từ đức, muôn thuở
mây lành.*

- Lạng Sơn là tỉnh cực Bắc, nơi đây núi rừng
trùng điệp, dân cư thưa thớt. Huyền tích ghi việc
Liễu Hạnh dạo chơi nơi đây gặp Trạng và có hiển
ứng nên sau dân lập đền thờ phụng. Đó là đền Tiên.

- **Đền Tiên (Thiên Nhân từ) :** Truyền thuyết
còn kể về thành cổ nơi đây do Liễu Hạnh công
chúa xây dựng : “Ở trên xứ Lạng có thành

Tiên xây”. Do thời gian nên đền xưa bị mai một,
đã và đang được nhân dân sửa sang, phục hồi để
nhớ lại một kỷ niệm của nữ thần. Một tiên nữ được
khắp vùng truyền tụng đức độ. Xin đơn cử câu đối
dưới đây của một nhà khoa bảng có tiếng tăm.
Đó là Nguyễn Hàm Ninh tên tự là Thuận Trị, hiệu
Tĩnh Trai, quê xã Sùng Ái huyện Bình Chính
tỉnh Quảng Bình, đỗ giải nguyên năm Minh Mệnh
thứ 12 (1831), từng làm quan Án sát đã dâng câu
đối phỏng lại sự việc trên :

“Sơn nhân văn tử xạ phùng, thủy bình hội ngộ,

Quy Phật tôn hồ nhất đức, vân vũ tiêu dao”

Dịch nghĩa :

Học trò, người Tiên gặp nhau, nước bèo hội ngộ,

Quy Phật giữ gìn việc đức, mây gió tiêu dao.

Ngoài ra còn có một số nhà khoa bảng khẳng
định lịch sử, đức độ của bà chúa Liễu. Đơn cử Đệ
nhị giáp Tiến sỹ, Hàn lâm viện thị đọc Thanh nhân
Lê Cúc Hiên dâng câu đối, ngày 10 tháng 3 niên
hiệu Tự Đức năm thứ 28 (1875), nội dung như sau :

“Thủ công thử đức lưu thiên cổ,

Vi Mẫu vi thần lịch vạn niên”.

Dịch nghĩa :

*Công ấy đức ấy còn ngàn thuở,
Là mẹ là thần mãi vạn năm.*

- Miền Nam xa xôi cũng có nhiều đền, phủ thờ Liễu Hạnh công chúa. Tất nhiên ảnh hưởng Đạo Mẫu nơi đây chưa nhiều, song khắp các tỉnh, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh cũng có không ít nơi thờ bà.

- **Chùa Đa Cao :** Quận I thành phố Hồ Chí Minh thờ Mẫu Liễu có câu đối của Trần Tấn Bình, người xã Do Lê huyện Thượng Phúc (nay thuộc Thường Tín - Hà Tây). Đồ phó bảng đời vua Thành Thái thứ 7 (1895), nội dung câu đối dâng trước ban thờ Mẫu của ông như sau :

*"Thị trinh phụ, thị hiếu nhi, hóa thân hữu trị,
Vi địa tiên, vi đế nữ, từ đức vô song".*

Dịch nghĩa :

*Là vợ hiền, là con hiếu, việc hóa thân vốn do
ý đẹp,*

*Là tiên dưới phàm trần, là con vua nét đẹp nhân
từ đời hiếm có hai.*

*(Phần lạc khoản câu đối ghi tháng 6 năm Thành
Thái thứ 8 (1896).*

- **Chùa Thiên Trường :** Đường Nguyễn Trãi - Cao Thắng thành phố Hồ Chí Minh có phủ thờ Mẫu bên cạnh. Phan Đình Phùng (1847 - 1895) người xã Đông Thái huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ năm Tự Đức thứ 30 (1887), từng làm quan Ngự sử, là lãnh tụ của phong trào văn thân chống Pháp. Câu đối do ông đề ngày 01 tháng 3 niên hiệu Tự Đức thứ 31 (1878), hiệu Thiên Thành quê Quảng Đông (Trung Hoa) tiến cúng :

*"Sinh hữu Mẫu phù, tât đặc thân cúng thường
tráng kiện,*

Tử vô thánh hộ, an năng hồn phách hữu ninh quy"

Dịch nghĩa :

*Sinh ra có Mẫu giúp, tât bản thân được khỏe
mạnh,*

*Khi chết nhờ Thánh độ, hãn hồn phách được
yên vui.*

- Một câu đối khác nhận định Mẫu là người Tiên, chứ không phải là người phàm tục. Sự khẳng định trên hẳn bổ ích giúp mọi người hiểu thêm về Mẫu :

*“Quảng Hàn bát thị nhân gian Mẫu,
Bồng Đảo sơ phi thế thượng thân”.*

Dịch nghĩa :

*Mẫu ở Quảng Hàn, đâu phải Mẫu trong phàm tục,
Người là thần trên Bồng Đảo, chứ đâu phải tại trần gian.*

Và cuối cùng trở lại Thủ đô Hà Nội, cụ thể hơn là đến dâng hương tại Tây Hồ :

- **Phủ Tây Hồ Hà Nội :** Xưa kia Thánh Mẫu về đây gặp lại Trạng Phùng Khắc Khoan và đối thơ cùng ông. Tại phủ có nhiều câu đối ghi lại những kỷ niệm của người Tiên. Xin đơn cử một trong nhiều câu đối :

“Tối linh nhi linh, Thiên Bản bồi hoàn chân cảnh tình,

Chúng Mẫu chi Mẫu, Tây Hồ hương hỏa, biệt từ tôn”.

Dịch nghĩa :

Đáng thiêng liêng đã thể hiện rõ ràng, nợ chén ngọc đã trả xong, nay rời Thiên Bản,

Là Mẫu của các Mẫu, để lại phân hương khói ở Tây Hồ là đền thờ đặc biệt tôn nghiêm.

- **Phủ Mẫu chùa Ninh Cường Nam Định :** Một ngôi chùa lớn của cả ba xã Trực Cường, Trực Phú, Trực Thái. Từ thế kỷ 16 lần biển khai hoang lập trại ấp, sau này lập xã vào thế kỷ 18, chùa cảnh và phủ thờ Mẫu luôn luôn có sự tu sửa, mở mang. Phần nội thất được trang hoàng lộng lẫy, tượng Mẫu đẹp đẽ uy nghi.

Câu đối phủ Mẫu chùa Ninh Cường cũng ca ngợi sự thiêng liêng, tiếng thơm lừng lẫy :

- Tam thế giáng sinh Quảng Cung lai hữu tự,

Lịch triều hiển ứng, thiên hạ cộng tri danh.

(Ba độ giáng sinh từ nơi Quảng Cung là nguồn gốc,

Tiếng thiêng liêng khắp các triều đại, nổi tiếng khắp gần xa).

- **Chùa Phúc Minh :** Thôn An Để xã Hiệp Hòa tỉnh Thái Bình, có phủ thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh với nhiều đồ thờ, câu đối đại tự sơn son thiếp vàng lộng lẫy.

Nhà chùa và các nhà nho quê hương đã tiến cúng câu đối :

“Thánh Mẫu thiên cung cư hách trạc,

Thần Tiên, ngọc nữ thị uông đương”.

*(Thánh Mẫu nơi cung nhà trời, ngôi thứ thật
cao đẹp,*

Có các vị ngọc nữ, thần Tiên hầu hạ quây quần).

Và câu đối khác ghi :

Diệu đức vô cùng, biệt vi thiên hạ Mẫu,

Ung dung mạc trang, chân thị nữ trung tiên.

*(Đức huyền diệu vô cùng, là vị Mẫu đặc biệt của
thế gian,*

*Vẻ oai nghiêm khó tả, đúng là phận gái trong
bạc Thần tiên).*

- **Đền Cờn** : Xã Quỳnh Phương huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An một công trình kiến trúc cổ nằm bên bờ Mai Giang nơi đây từ thời Trần đã dựng đền thờ *“Tứ vị Hồng nương”*.

Tứ vị là Thái Hậu họ Dương và ba người con đều bị hy sinh trên biển Đông, do đại họa đế quốc Mông Cổ và nhân dân Phương Cầm (nay là Quỳnh Phương) vớt xác bốn vị chôn cất, sau thấy sự anh linh nên lập đền thờ. Trần Anh Tôn Hoàng đế, sau này là Lê Thánh Tôn trên đường bình giặc Chiêm qua đây thấy sự âm phù hiển hiện, nên phong sắc và cấp tiền tôn tạo đền thờ. Sắc phong

từ thời Trần ghi : *“Đại Càn quốc gia Nam Hải Thánh Mẫu thượng đẳng thần”*. Sự việc hiển nhiên như vậy. Câu đối, văn bia vẫn còn thi gan cùng tuế nguyệt ghi rõ như vậy.

Nhưng nhân dân Phương Cầm còn phối thờ tam tòa Thánh Mẫu, coi Mẫu Liễu như vị thành hoàng che chở cho dân vào lộng ra khơi đánh cá được bình an. Như vậy các Mẫu nơi đây rõ ràng có lai lịch khác biệt. Song dân gian coi Tứ Vị Hồng Nương và Tam tòa Thánh Mẫu đều là Mẫu chung của nhân gian. Tấm bia có niên hiệu Cảnh Trị tam niên (1665) viết về Mẫu, cũng được nhân dân tự hào, ghi nhận và mong muốn các Mẫu thuộc hai thời đại Trần - Lê ban phúc, ban lộc cho nhân dân. Xin trích bài minh bia :

Thánh Mẫu Nam thiên

Càn miếu hương hỏa

Phụng sự ngọc chiếu

Lưu truyền xã thôn

Thái bình ca xướng

Thọ lâm châu hoàn

Thời hòa hương đẳng

Phong thuận diện giai

Hưng hộ bách tính

Thái hòa vạn vật

Mẫu xứng câu ngư
Thiết bị lễ trạch
Chiêu bách thế tuyền
Hoàng ngọc phúc thuần
Thiên cổ bất di
Vạn đại chiêm ngưỡng...

Tạm dịch :

Thánh Mẫu trời Nam
Đền Cờn hương khói
Vâng mệnh bề trên
Xã thôn truyền mãi
Từ quan đến vãi
Ca ngợi thái bình
Được hưởng phúc lành
Nhờ Mẫu phù hộ
Dân cày được mùa
Đi thuyền thuận lợi,
Xóm làng đổi mới
Muôn vật tốt tươi
Trăm đời không đổi
Cảnh sắc người xưa
Phúc lộc có thừa
Ngàn xưa để lại...

Một số thơ ca, câu đối tại các đền thờ Mẫu khắp ba miền Trung, Nam, Bắc đơn cử trên đây, chứng minh tấm lòng của nhân dân mà đặc biệt là các nhà khoa bảng đã trân trọng cội nguồn nguyên thủy, đó là hình tượng Mẫu. Cũng không thể bỏ qua tài nghệ vận dụng mỹ tự đưa vào thơ ca - đối liên. Nói khác đi là bút pháp của người xưa, đã khéo vận ý, dùng từ nên được mọi tầng lớp tin nghe, mọi đẳng cấp suy ngẫm. Phải chăng họ đã biết lấy cái uy, cái đức của Mẫu để giáo hóa cộng đồng, lấy cái ước nguyện của Mẫu đại diện cho ước nguyện của cộng đồng, vận dụng vào cuộc sống để giảng giải cho mọi người, nên được lưu truyền vạn đại : Đúng như lời nói của cổ nhân :

“Kim thạch khả diệt nhi phong lưu bất diệt”

(Vàng đá có thể mất đi, nhưng phẩm đức tốt còn lưu truyền mãi mãi).

Bởi đức tốt nên ảnh hưởng Đạo Mẫu đến mọi người, mọi nhà, mọi tầng lớp giàu, nghèo. Ảnh hưởng đến cả lớp người trí thức, quan chức và rộng khắp mọi miền đất nước.

CHƯƠNG III

1 - TỪ NGHI THỨC HÀNH LỄ ĐẾN LỄ HỘI

Huyền thoại Mẫu Liễu đã tạo một niềm tin trong nhân dân và dân gian lại sáng tạo các nghi thức hành lễ, để cái ước nguyện, cái tư duy trong mơ ấy được thể hiện trong những giờ phút thiêng liêng và như tác giả Đặng Văn Lung trong cuốn “Mẫu Liễu đời và đạo” thì dân chúng tạo ra cách hành lễ, tức tạo ra tính đồng để điều tiết niềm tin, hòa niềm tin vào thế giới tự nhiên...

Mẫu ở đây là tính mẹ, là nguyên lý nguyên thủy, tức Mẫu bản địa và nghiêm nhiên trở thành đạo mẫu mang tính Mẹ - Con, là đạo lý dân tộc. Và từ sự gần gũi nên nghi thức tín ngưỡng Mẫu thật đơn giản, chẳng cần đền to phủ lớn. Từ công trình quy mô đến điện thờ nhỏ bé, thậm chí một ban công tư gia cũng có sự chứng giám, sự bộc lộ các nghi thức thờ cúng như Mẹ đến với Con và ngược lại. Một tín ngưỡng, hay mạnh dạn mà nói là Đạo Mẫu có sự giản đơn về lý thuyết, giản đơn về vật hiến lễ, hành lễ. Phải chăng đây là nét đẹp trong quan niệm nhân sinh quan, là nghệ thuật của tính người, tính dân tộc và tất nhiên nó trở thành sử thi mà không phải dân tộc nào, đất nước nào cũng có.

Từ nghi thức, lý thuyết đơn giản nên trong các hội làng việc rước Mẫu, lễ Mẫu cũng thường nhỏ nhẹ, không rầm rộ, chuẩn bị công phu, phiền phức. Không phải chọn từng hạt gạo nấu xôi, phải thi làm cỗ, làm bánh rồi các phe, giáp tập dượt, phân công quan viên hành lễ quá hệ trọng, phiền phức. Do vậy tùy từng hoàn cảnh, tùy từng nơi mà tổ chức các ngày đại lễ và thường thì hòa nhập trong các hội làng.

Riêng đối với Phủ Dầy, trung tâm của tín ngưỡng Đạo Mẫu vùng châu thổ sông Hồng, việc tổ chức lễ hội làng hàng năm trong dịp 3 tháng 3 đến ngày 8 tháng 3 thường đông vui hơn cả, chi phí tốn kém không ít. Song việc lễ hội Phủ Dầy dân chúng coi như về với ngày giỗ Mẹ nên từ người địa phương, đến người các nơi đều góp sức lo chung. Xin đơn cử một số văn bia ghi vấn đề này như sau :

- “Biển hội phụng điền bi” đặt tại phương đình Phủ Tiên Hương, niên hiệu Minh Mệnh thứ 15 (1834) ghi việc Hội thủy quân sở tại cúng một mẫu sáu sào ruộng (do Hội mua), giao cho làng cấy cấy phục vụ lễ hội và thờ tự, lại cúng một đôi tàn, một quán tẩy, một sập đá để phụng sự...

- Một tấm bia khác ghi ngày 24 tháng 3 năm Tự Đức thứ 14 (1861) do tiến sĩ Thiên Bản Trần Huy Côn viết ghi về việc đội “vệ trung thủy” nghĩ tới công việc ra khơi, vào cảng nhiều khi gặp nhiều

khó khăn không biết vọng cầu vào đâu, chỉ có Mẫu là nương nhờ, che chở được nên cúng ruộng vào Phủ Tiên Hương góp phần vào việc làm giỗ Mẫu.

- Bản thân thủ từ Phủ chính Tiên Hương là Ni Cẩn cùng Thiện Tín đã cúng ba mẫu ba sào để sở tại lo việc lễ hội và giao riêng cho Lý trưởng ba sào để đốc lễ.

Bia ghi ngày tốt tháng 3 năm Thành Thái thứ 4 (1892). Điều đáng lưu tâm là số ruộng cúng đều dùng con số 3 như để nhắc nhở địa phương không quên ngày kỵ tháng 3 Mẫu Liễu.

Một văn bia khác ghi ngày 18 tháng 3 năm Thành Thái thứ 4 (1892) về việc số ruộng trước chưa đủ làm lệ, hàng năm quyền góp vát vả do vậy để thêm hai mẫu một sào bảy tấc ruộng và sáu trăm quan tiền (đem cho vay) lấy lãi để lo việc lễ hội...

Những văn bia trên ở Phủ Tiên Hương chứng tỏ ý thức của địa phương, thập phương đối với ngày lễ hội Mẫu rất chu đáo. Còn việc rước việc tổ chức kéo chũ, múa rồng, múa lân... tùy theo điều kiện hàng năm mà vận dụng không nhất thiết năm nào cũng dập khuôn, nói khác đi là “tùy tiền biện lễ” tránh rườm rà tốn phí ảnh hưởng đến đời sống dân thôn.

Lễ hội Phủ Dầy từ xưa đến nay vẫn được bảo tồn. Có thời kỳ không mở hội, song do ấn tượng sâu sắc của nhân dân, mở hội hay không, dịp từ 3 đến 8 tháng 3 nhân dân địa phương huyện Vụ Bản, nhân dân tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và nhiều người trong cả nước vẫn kéo về Phủ Dầy lễ Mẫu theo tâm thức là về với ngày giỗ Mẹ, “Tháng 3 giỗ mẹ” một cách tự giác, bột phát.

Ngoài dịp tháng 3 hội Phủ Dầy, ngày 8 tháng Giêng là ngày chợ Viềng. Chợ Viềng là tập tục lâu đời đối với địa bàn Nam Định. Chợ Viềng thuộc huyện Mỹ Lộc, chợ Viềng Hải Hạng thuộc huyện Nghĩa Hưng, chợ Viềng Nam Giang thuộc huyện Nam Trực, chợ Viềng Phủ Dầy huyện Vụ Bản đều họp ngày 8 tháng Giêng. Nhưng không khí, mật độ người đi chợ, hàng hóa, cây cảnh, đồ tiêu dùng bằng mây, tre, đồng, nhôm, sắt... không đâu bằng chợ Viềng Phủ Dầy Vụ Bản. Quan niệm dân gian đi chợ Viềng : Về với đất Thánh, việc mua bán không tính toán sự đắt rẻ, cốt mua lấy may vừa là kỷ niệm đầu xuân về “quê Mẹ”. Món hàng đặc sản hấp dẫn hơn cả vẫn là thịt bò thui trong chợ Viềng và trong hội Phủ Dầy. Hàng trăm con bò được giết thịt trong dịp này, phần lớn nhân dân về đây đều cố mua dăm, ba lạng thịt bò lấy lộc. Việc mua thịt bò ở Phủ Dầy có nhiều ý kiến khác nhau, song theo chúng tôi thì đây là món thịt được chăn nuôi, ăn thức ăn sạch sẽ. Thịt bò lại ngon, dễ tiêu

và đặc biệt là món lễ vật không thể thiếu để cúng Mẫu, trong ngày đại lễ 3 tháng 3, mà văn bia Phủ Dày đã đề cập.

2 - GIÁNG BÚT TRONG NGHI LỄ THÁNH MẪU VÀ VĂN CHÂU

Hình tượng Thánh Mẫu diệu kỳ, cuốn hút được hàng triệu trái tim trong quảng đại quần chúng nhân dân mà thực tế qua bi ký, thơ ca, câu đối của mọi tầng lớp xã hội chứng minh cho điều đó. Và dân gian lại khéo dàn dựng cách hành lễ, nói khác đi là lễ hội để thỏa mãn niềm tin ấy, để hòa niềm tin vào tạo vật thiên nhiên cũng như hoạt động của con người, do vậy tín ngưỡng đạo Mẫu rất phong phú ở nghi thức, rất sáng tạo trong cách hành lễ mà các đạo khác không thể có. Nó tự phát không phải từ đâu đưa đến, từ đâu nhập vào. Nó là tín ngưỡng từ nguyên thủy của bản địa, tiếp nhận văn hóa nhân loại để biến hóa, để tạo thành một thể thống nhất, một tôn giáo bản địa phù hợp với dân chúng. Dân chúng dễ tiếp thu và nó đã trở thành hình tượng văn hóa tinh thần của hàng triệu người dân tộc Việt.

Điều lạ lùng là trong lịch sử Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng khác đều có kinh sách, giáo lý riêng, nghi thức hành lễ riêng. Đạo Mẫu không phải thế ! Nó dung hợp, hòa trộn

các tín ngưỡng thành một thực thể tự nhiên, một thực thể tôn giáo có hòa đồng cả Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo lại có sự nâng cao, hòa đồng, cuốn hút một cách kỳ diệu mà các đạo khác trên thế giới không có, đó là tính đồng.

Triết lý về đồng cũng còn phải bàn, phải hội thảo, nghiên cứu nhiều mới rõ nguyên lý, rõ sự phức hợp đa dạng của tính đồng, rõ sự hòa đồng mà già, trẻ, trai, gái đều có thể ngồi đồng, đều có thể lúc nào đó nhập vào người anh hùng dân tộc như Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, nhập vai Mẫu, nhập vai vua cha, quan lớn, các cô, các cậu, bất kể người Kinh, người thiểu số... Và bất cứ ai cũng vây quanh chiếu đồng tấu cô, lạy cậu hoặc vỗ tay cổ vũ cho cô, cậu, ông hoàng đang phi ngựa, nhảy múa, chèo đò như các cổ động viên bóng đá.

Điều đặc biệt là cùng một lúc ở các cung trong một tòa đền, phủ lại có thể diễn ra nhiều chiếu đồng, nhiều giá đồng tương tự, chứng minh sự phân thân kỳ diệu mà dân gian tự sáng tạo ra, chẳng có sách vở nào truyền dạy cả.

Lạ lắm, dân gian lắm, vui lắm. Đến với cách hành lễ trong đạo Mẫu như con về với cha mẹ. Lễ vật của con dâng lên Mẫu như chút quà của con đối với mẹ. Mẫu hoặc Thánh trong giá đồng ban phát lộc cũng là chút quà mẹ, cha ban, đãi cho con, muốn cho con mọi sự như ý. Đạo Mẫu đã tạo niềm

vui cho hết thầy mọi người mỗi khi đến với Mẫu. Có thể nói là sự chan hòa, bộc lộ cao điểm của lễ sống ý vị, của tình cảm con người.

Người lên đồng, còn gọi là hầu bóng có sự giao tiếp với thế giới bên ngoài và được con nhang đệ tử, nhân dân, các cháu thiếu niên vây quanh vui hòa nhịp điệu. Trong không khí thành kính thiêng liêng, khiến người ngồi đồng siêu thoát tột đỉnh, nhập thiện tột đỉnh, tâm hồn trong trẻo tột đỉnh để phát năng lượng, tỏa năng lượng tức là giải tỏa ức chế và có thể một lúc lên nhiều giá đồng, thay y phục tại chỗ, nhập vai tại chỗ thật dễ dàng, cũng thật khó hiểu, thật kỳ diệu.

Giữa chiếu đồng chân lý hòa nhập được bộc lộ bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ, lời ca, tiếng nhạc để quên đi mọi hành vi, nỗi buồn vui bên ngoài. Họ cũng chẳng cần hiểu, cần đánh giá xem bà đồng, ông đồng đang là ghê của vị Thánh, vị Mẫu nào? chẳng cần để tâm lắng đến các lời phán bảo chung chung của các vị Thánh, vị Mẫu. Chỉ biết vây quanh giá đồng để được vui, được nhận giây phút siêu cảm, mặc dù trong thâm tâm họ cũng bán tín, bán nghi, nói rõ ra là nghi ngờ, khó tin phép Mẫu, sự linh thiêng của Mẫu, mà vẫn đến với Mẫu. Trông chờ ở Mẫu sự ban ơn, hy vọng Mẫu thương họ như chính họ thương con, Mẫu che chở cho họ, như chính họ cứu mang, đùm bọc con cháu họ...

Xin không đi sâu lĩnh vực này, để được giới thiệu những lời thơ giáng bút trong các giá đồng.

Trong các giá đồng không phải giá nào cũng có sự giáng bút và không phải lứa tuổi nào cũng có thể chọn để có sự giáng bút. Trước kia người ngồi đồng giáng bút thường ở độ tuổi thiếu niên để dễ đạt được trạng thái hư không, mà Đạo Hồi gọi là "Sa kỷ" (tách mình ra ngoài). Phật giáo gọi là "nhập thiên", hay tĩnh tọa, thiền định. Khi giáng bút thường viết trên mâm gạo để người hầu giá ghi lại, sau này ghi chép lưu ở đời. Việc này cũng không khỏi có sự nghi vấn, nhưng nhìn chung các bài văn giáng bút có nội dung lành mạnh, lời thơ man mác như bay như lượn trong thiên nhiên và cũng rất trữ tình, rất đượm màu tươi vui, cuộc sống trần gian.

Tất nhiên đọc các bài thơ giáng bút mọi người có thể suy ngẫm tới sự gia cố của một tác giả dân gian nào đó khiến lời lẽ óng chuốt, vần thơ đúng luật. Đặc biệt là bài thơ giáng bút chắc phải có sự đầu tư trí tuệ "Thánh", của "Mẫu" hay của một tác giả dân gian nên nội dung mới hàm súc, sâu lắng lòng người.

Thơ giáng bút có nhiều thể loại khác nhau, nhưng phần đa ở dạng thất ngôn, song thất lục bát, hoặc lục bát. Thơ giáng bút phần lớn bằng chữ Nôm, tên càng có ý nghĩa đối với ngôn ngữ dân tộc, áp

dụng trong tín ngưỡng dân tộc. Từ các bài thơ giáng bút bằng chữ Nôm này giúp mọi người tin thêm, quý thêm về một đạo, một tín ngưỡng, hay nói là tôn giáo của ta, của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Song ở các bài thơ giáng bút, tránh sao khỏi những sơ xuất ở nội dung trùng lặp, ở câu cú, cách gieo vần, ở cả sự khiên cưỡng, gán ghép về từ, về ý. Nhưng dù sao cũng phải công nhận tài “xuất khẩu thành thi” ở trong những giờ phút ngồi đồng phải chi phối với khách quan, phải vận dụng nhiều giác quan trong một thời điểm : Vừa tiếp nhận cảm quan vừa phán quyết và đặc biệt phải viết bằng chữ Nôm trên mâm gạo, hoặc phát ra lời. Lại cùng lúc phải thao tác vũ điệu, phải ban phát lộc, phải nghe mọi lời tấu, lạy bên ngoài.

Điều kỳ lạ là hầu như các “ghê” được ốp đồng, giáng bút đều không, hoặc biết rất ít chữ Nôm, chữ Hán. Không hoặc ít am hiểu lai lịch, cũng như kiến thức sống, nhận thức về vũ trụ, môi sinh, lịch sử. Vậy các bài giáng bút dưới đây là lời của Mẫu, của Thánh sao ? Hoặc dân gian lại khéo sáng tác, đạo diễn để mượn lời thần thánh mà răn dạy đời giữ gìn đạo lý, nhận biết các kiến thức đời

thường như Bách hoa văn, Bách được luyện văn, rồi các bài nói việc phụng sự bố mẹ chồng, kính trọng tổ tiên, kính chồng, dạy con... để cho cuộc sống đời thường được thuận hòa, được yên ấm, hạnh phúc.

Dù của ai đi chăng nữa, trong nội dung các bài giáng bút, các văn châu cũng đều là những lời lẽ tốt đẹp, những ý nghĩ, việc làm tốt đẹp giúp con người hướng về tính thiện, giúp con người hiểu thêm về Mẫu, về phụ nữ Việt Nam để thông cảm, trân trọng phụ nữ hơn. Để mọi người hiểu thêm về tín ngưỡng huyền bí, cũng như sự huyền bí ở cỏ cây hoa lá, ở chính bản thân và mọi người xung quanh, từ đó mà thêm yêu, thêm kính, thêm có tình người, tình non nước để làm những gì hữu ích giúp cho quê, cho nước, cho nhà và cho chính bản thân mình.

THƠ GIÁNG BÚT CỦA CÁC VỊ THÁNH MẪU

** Đệ nhị Thánh Mẫu :*

- Thờ tiên tổ :

Thái tần thơ trước dạy ra

Hữu trai nét ấy đàn bà còn khen

Trong nhà phụng sự tổ tiên

*Kính thành hai chữ dám quên tác lòng
Cây có gốc nước có dòng
Bốn mùa tám tiết lễ dùng kính dâng
Há nê lạo tảo giản tân
Quý chưng thanh lịch, mười phần là hay
Lọ là mâm lớn cỗ đầy
Lọ là thịt béo rượu cay mới hèo
Phận bồ bao quản khó nghèo
Cứ trong kị lạp ít nhiều đem dâng
Trước là kính sự tiên nhân
Sau là tiếp đãi kẻ gần người xa
Phụng tiên việc trước trị nhà
Trước sau thành kính lòng ta dám nhờn
Xin đừng nghĩ nổi thiệt hơn*

- Phụng sự bố mẹ chồng :

*Khôn trinh là phận nữ hiền
Phụng thờ cô cữu⁽¹⁾ cho tuyền trước sau
Nghĩ sao phải đạo làm dâu
Việc thường sớm trực trưa châu dám sai*

⁽¹⁾ Cố cữu : Bố chồng, mẹ chồng.

*Dưới màn nửa bước không rời
Đặt êm chẵn gối khuyên mời rượu com
Yêu đương cũng phải một lòng
Vĩ mà ghét bỏ cũng cam một bề
Xin đừng vào bủ ra dề
Để người tóc bạc ủ ê mặt già
Há nê gió táp mưa sa
Theo chồng, nên phải thờ cha mẹ chồng
Sâm, thương dù rối chữ tông
Dưỡng thân hai chữ thay chồng dám quên
Liễu bồ bao quản phận hèn
Hiếu nuôi một thúở, ơn đền ba sinh
Cha chồng ví với cha mình
Mẹ chồng ví với mẹ mình khác đâu
Dám khuyên trọn đạo làm dâu*

- Kính chồng :

*Vu quy gặp buổi đào yêu
Khôn trinh là phận phải chiều lang quân
Vô vi trong lễ còn răn
Việc thường sửa túi nâng khăn dám rời*

Bằng chồng biếng học vui chơi
Nhỏ to ta phải liệu lời can ngăn
Ở ăn một kính mười nhường
Ăn nâng nên học Mạnh Quang gái hiền
Phận yên nào nghĩ sang hèn
Quý chung hòa thuận chê khen mặc người
Chồng khi chì bác buông lời
Nhịn đi chó có chông gai thêm điều
Tiếng cầm tiếng sắt dập dìu
Chồng sang được cậy, chồng nghèo cũng cam
Đỡ chồng mọi việc trông nom
Lo toan ngày tháng lam làm sớm khuya
Dầm mưa dãi nắng không nề
Dù yêu cũng thuận, dù chê dám nhờn
Trăm năm phím bén dây đàn
Vị mà vào giận ra hờn sao nên
Kính chồng hai chữ nên duyên.

- Dạy con :

Thơ đào ngâm chữ nghi gia
Dạy con việc ấy đàn bà nên siêng

Muốn cho trai gái thảo hiền
Mọi điều dạy bảo phải chuyên đêm ngày
Vả nghe người nói xưa nay
Uốn cây, nên uốn những ngày còn non
Dạy con từ thuở còn non
Đến khi cả lớn, ắt khôn hơn người
Dạy ăn dạy nói dạy cười
Dạy đi thông thả dạy ngồi nét na
Dạy nên dạy đạo thực tà
Vị mà dạy việc điều ngoa hay gì
Trai khôn thì dạy lễ thi
Dạy thông tính toán, dạy suy văn bài
Đường ăn nhẽ ở vẽ vờ
Dạy điều lui tới, dạy lời thảo ngay
Gái khôn thì dạy vá may
Bán buôn nên biết, cấy cày nên siêng
Khuyên răn vào gửi ra chiềng
Trong nhà mọi việc dạy khuyên đến nhời
Một mai trai gái nên người
Một nhà khôn phép muôn đời giàu sang
Dạy con nên lấy nghĩa phương

- Chọn rể dâu :

Nay mừng trai gái cả khôn
Đàn bà ta phải định con cửa nhà
Trúc mai đâm ám xuân hòa
Có dâu có rể là ta vui lòng
Trai có vợ, gái có chồng
Lâu dài sinh sản nối dòng về sau
Trai khôn gửi khúc phượng cầu
Kén dâu kén chốn sang giàu sao nên
Cưới xin nào ngại bạc tiền
Thảo ngay quý được dâu hiền là hay
Cho có cầm sắt bén dây
Giàu ăn khó chịu rủi may tại trời
Cập kê gái đã đến thời
Gả chồng ta phải kiếm nơi hiền lành
Giường đông gập rể tài danh
Chăn loan góí phượng con mình đẹp đôi
Trăm năm tác hợp bởi trời
Cưới xin sách nhiễu tiền tài sao đang
Cho con duyên hợp phượng loan

Khó hèn cũng chịu, giàu sang cũng nhờ
Gái trai yên phận cửa nhà
Nghĩ gia thế ấy mới là người khôn
Muôn đời quang hiển gia môn

*** Hạnh Hoa công chúa giáng bút :**

- Thân với tông tộc :

Đàn bà trọn đạo nghi gia
Nên thân chín họ nên hòa sáu thân
Ở sao nhất thể tương thân
Họ xa cũng trọng họ gần chẳng khinh
Họ chồng cho đến họ mình
Tương thân chớ có đem tình tương sơ
Cùng người rể má dây mơ
Mà mình nhạt nhẽo hững hờ sao nên
Họ hàng kẻ khó người hèn
Khó liền giúp đỡ, hèn liền yêu thương
Tới lui một kính hai nhường
Để cho trẻ kính già thương đến mình
Xin đừng bên trọng bên khinh
Xin đừng bạc dạ nhạt tình như ai
Họ hàng chẳng nghĩ đoái hoài

Át là xa cách không người hỏi han
Dẫu mình giàu có muôn ngàn
Ở ăn cũng phải mọi đàng hăn hoi
Dám khuyên nhớ cội nghĩ chồi
Trong nơi thân thích chớ coi làm thường
Phải nên thân với họ hàng

*** Cúc Hoa công chúa giáng bút :**

- Hòa với láng giềng :

Đàn bà phải nghĩ mọi đường
Ở cùng trong xóm ngoài làng tương thân
Chữ rằng đức tất hữu lân
Phải nên thân ái kẻ gần người xa
Trong làng chớ cậy là ta
Xóm giềng cũng phải thuận hòa cùng nhau
Khó giàu ai đã chắc đâu
Mà ta khinh khó cậy giàu sao nên
Cùng nhau sớm lửa tối đèn
Chớ nên cậy thế chớ nên khinh người
Chớ rèm ai chớ chê ai
Cũng đừng hống hách chuyện ai thêm rầy

Nghèo thì cho thẳng cho ngay
Có thì cho mượn cho vay ít nhiều
Ta mà tử tế mọi điều
Trẻ yêu đến cửa già yêu tới nhà
Xin đừng nghe trẻ nói ngoa
Xin đừng vì mát chớ gà rửa nhau
Trong nhà quả ổi trái cau
Ít nhiều lòng thảo cho nhau ăn cùng
Ở sao làng xóm được lòng
Vậy sau mới gọi nữ trung anh hiền
Mục lân hai chữ nên khuyên

- Thương người nghèo hèn :

Trăm năm trong cuộc biển dâu
Giàu nghèo ai đã chắc đâu mà lường
Ở đời chớ cậy giàu sang
Mà ta bỏ kẻ nhỡ nhàng sao nên
Trong nhà có thóc có tiền
Phải nên khi khó khi hèn giúp nhau
Chưa ai ba họ cùng giàu
Chưa ai nghèo khó đến đâu ba đời
Chẳng qua cửa cũng của trời

Mà ta riết róng để người gieo neo
Nên đỡ khó nên giúp nghèo
Cho vay kẻ ít người nhiều là hơn
Vay nên nợ, đỡ nên ơn
Bằng người giả thiếu, nữ quên cũng đành
Trước là người được nhờ mình
Sau là phúc lộc để dành về sau
Xin đừng khe khát cơ cầu
Xin đừng bóp cổ chẹn hầu không nên
Dám khuyên thương kẻ khó hèn.

- Giữ tiết hạnh khi trẻ tuổi :

Dong phong Thi bách dạy ra
Rành rành hai chữ mỹ tha còn truyền
Trướng loan gió lạnh hương nguyên
Trước sau giữ tiết nên khuyên lấy mình
Dẫu còn tuổi trẻ đầu xanh
Quyết lòng băng tuyết không tình gió trắng
Thờ chồng một dạ khăng khăng
Cao xanh thề với đôi vầng xét soi
Lòng son dạ sắt không rời
Đuổi bay én nhận mặc người bướm ong

Đạy con đèn sách gia công
Nuôi thân khuya sớm thay chồng dám quên
Một gian đóng cửa cài then
Gió qua trên gối trắng in dưới thềm
Kiên trinh cứ giữ một niềm
Đừng e sương tuyết chớ hiềm thâm thương
Chữ duyên nay đã nhờ hàng
Ở sao như ở Cung Khương mới hiền
Nữ trinh xin giữ cho bền
Thơ lâu một thuở, tiếng truyền ngàn thu
Niềm trinh thực nết ôn nhu
Nữ nhi ví với trượng phu không nhường
Cửa nhà ngày một vinh quang
Lòng son trời tỏ, chữ vàng vua phong
Khuyên ai giữ tiết cùng chồng

- Già vui chùa :

Bóng dâu khi đã về già
Quy y Phật pháp đàn bà nên khuyên
Ngày rằm mộng một phải chuyên
Dầu hương hoa quả cửa thiền kính dâng

Nam mô hai chữ nên cần
Để nhờ Phật tổ độ thân sau này
Tụng kinh niệm Phật ăn chay
Từ bi một nghĩ chẳng thay tác lòng
Cành dương tươi mát lửa nồng
Tiêu dao cõi Phật sạch trong bụi trần
Kinh miệng niệm, hạt tay lần
Có khi tịnh độ cũng gần không xa
Nam mô đức Phật Di Đà
Nam mô đức Phật Thích Ca độ trì
Sớm khuya phát nguyện đời khi
Độ siêu cho mẹ, hộ trì cháu con
Gây nên quả phúc cho tròn
Ắt mình sinh độ chẳng còn oan khiên
Đến khi sáng tạo chùa chiền
Tùy theo làm phúc làm duyên gọi là
Cõi tiên khi trở về già
Ở bên cực lạc Di Đà rước sang
Tràng phan bảo cái rõ ràng
Nên nghe kinh pháp mình đường vui thay
Tuổi già quy Phật là hay

*** Giám thượng Trần công chúa :**

- Trọng loài ngũ cốc :

Hạt ngọc thực trời sinh trăm giống
Để người tà nỏ bụng lúc cơ hàn
Chớ nên bữa bái chứa chan
Phải nên nghĩ lúc lâm than cày bừa
Khi sớm trưa bữa no bữa đói.
Phòng có không, không có, hỏi ai
Đội trời đạp đất ở đời
Kẻ thì giàu có, người thì khó khăn
Người xưa đã có câu rằng
Khinh rẻ của trời, có nên bao giờ
Nhớ thuở xưa Thạch Vương đấu phú
Khinh của rồi khốn khó đến thân
Khuyên nhân thế hoặc bần hoặc phú
Chớ có khinh mà khốn khó về sau
Hạt com, hạt đậu, lá rau
Phải nên tận tiện mới hầu đủ no
Muốn cho khuya sớm không lo
Hạt kê, hạt đỗ phải cho có chừng
Dầu là vực dầu là lưng
Có ao có giá, có thưng có liều

Dầu là ít, dầu là nhiều
Chớ dày chớ đập, chớ trèo chớ qua
Của trời nuôi dưỡng người ta
Ai mà biết trọng mới là người hơn
Chữ rằng quân hưởng thiên ân.

*** Dệ tam Thánh Mẫu :**

- Khuyên nơi mộc ấp (làng Tiên Hương) :

Các con mộc ấp lại đây
Mẹ bảo lời này lắng lặng mà nghe
Chớ nghe người thế khen chê
Nữ đem mây tối mà che mặt trời
Khuyên con kết tóc làm tôi
Có thành có ứng, chẳng lời nào sai
Quý thân nào có riêng ai
Cửu chân tứ hải vãng lai là thường
Đã hay chủ giả thương thương
Hỏi trời trời biết có lương được chăng
Một lòng chiến chiến căng căng
Nửa thương con đỏ, nửa mong trời vàng
Trời vàng thì đất cũng vàng
Biết đâu xứng đáng mà mang thân vào
Mệnh mông đất rộng trời cao

Trong cơ báo ứng thiên tào rất công
Nào ai sắc, nào ai phong
Nữ đem cái ống mà trông bóng hâm
Tâm tâm thi vấn ngộ tâm
Quả nhiên chí lý cao thâm nan cầu
Nôm na nói một vài câu
Con mà giữ được hồi đầu không xa
Chớ đem tính quý hồn ma
Mà đem phụ đức cao xa ngàn trùng
Thần thánh là thần thánh chung
(Ngày 15 tháng 11 năm Thành Thái Quý Mão (1903))

*** Dệ nhất Thánh Mẫu :**

- Thơ khuyên hiếu :

Trăm nết người ta hiếu ở đầu
Đạo làm trai gái đạo làm dâu
Ngọt bùi phải nghĩ đền ơn trước
Quan quách nên lo báo nghĩa sau
Cây trúc Mạnh Tông còn tốt mãi
Lọ vàng Quách Cự vẫn bền lâu
Khuyên người nên phải đem lòng lại
Chín chữ cù lao tựa biển sâu !

*** Quỳnh Hoa công chúa :**

- Khuyên chồng vợ :

Nhờ tay nguyệt lão mối tơ hồng
Chấp chĩ xe nên nghĩa vợ chồng
Cầm sắt tiếng đưa lời hảo hợp
Đá vàng ghi tạc chữ tâm đồng
Biển kia dù tát còn hay cạn
Núi nọ xin đừng có đứng trông
Kìa việc Mạnh Quang người thừa nọ
Là gương thiên hạ để soi chung

- Khuyên đừng tức khí :

Tranh hơi cũng chẳng mãi còn hơi
Tức khí từ đây cũng phải thôi
Làm phúc để hồng con cháu khá
Tu duyên may gặp nước non vui
Quay đầu biển khổ lưng nên vượt
Trở gót sông mê bước lại chơi
Khuyên kẻ ở ăn này phải nghĩ
Tranh hơi cũng chẳng mãi còn hơi

*** Đào Hoa công chúa :**

- Khuyên anh em :

Vai gánh anh em một chữ tình
Anh hòa em phải thuận cùng anh
Dem câu đồng khí ghi vào dạ
Vẹn nghĩa tương thân nghĩ lấy mình
Nước mắt thương người sôi củi đậu
Đau lòng vì kẻ cắt cây kinh
Một nhà vui vẻ trong hòa khí
Dành để về sau hưởng phúc lành

*** Bách hoa văn**

(Bài văn trăm thức hoa)

Nhất phiên hoa tín nhất phiên tân
Thực lại Đông quân điểm hóa thân
Thập nhị tiên nương hoàn mãn tọa
Bất tri nguyên thị thử hoa thân⁽¹⁾
Mừng nay gặp hội tâm xuân⁽²⁾

⁽¹⁾ Một lần hoa nở là một lần bước sang năm mới. Thực nhờ Đông quân khéo điểm hóa mà nên (nhờ mặt trời phương Đông) mười hai vị tiên nương quay quần vui vẻ có biết đâu vốn gốc đều là thân hoa cả.

⁽²⁾ Hội tâm xuân : năm mới, mà tâm xuân còn là tên một thứ loài hoa.

Kim ngân thanh tịnh trước sân lay quý
Sai bách hợp tức thì giáng phó
Quế với Hòe vàng đỏ chen vai
Báo tin đã có hoa Mai
Hoa đào, hoa mận những ai đó giờ
Màn Lan, Huệ phát phơ bông rủ
Gọi Hải đường giấc ngủ xuân tiêu
Nữ trinh sao khéo mỹ miều
Phèn đen sắc nhuộm càng yêu vì tình
Vẻ Kim Phụng bên mình châu báu
Vội Kim tiền tranh đấu mùi hương
Lòng Quỳ xin dải bóng dương
Tử vi không để hạt sương dải dầu
Ngọc trâm giắt trên đầu đã sẵn
Gót Kim liên thơ thẩn vườn hoa
Đêm xuân hoa Sói la đà
Ngọc anh cợt gió, Sơn trà gheo trắng
Thủy tiên giá xem bằng quốc sắc
Sánh thiên hương tuyết trắng mâu Lê
Đỗ quyên ánh ỏi bên hè
Mẫu đơn sắc tía lại khoe sắc vàng
Hoa Râm bụt cành sương treo nặng
Nụ Đào bi trái nắng từng phen

Hoa Cam không bén tay hèn
Hoa Hồng, hoa Cây, Phẩm tiên trên đời
Hoa Hồng bạch khác với Trần phẩm
Đóa Phù dung đỏ thắm không phai
Trước nhà thoang thoảng hoa Nhài
Hoa Riềng, hoa Nghệ áp nài ưa duyên
Mẫu thanh lịch hoa Huyền điểm tuyết
Hoa Móng rồng tươi tốt phân phi
Chi lăng hay Hải đường tri
Hoa Sưa, hoa Muống đông ly sẵn sàng
Hoa đỗ nhược mấy hàng mưa móc
Đầy vườn xuân hoa Mộc, hoa Ngâu
Hoa Sum đỏ chói một màu
Hoa Dương lợp đất, hoa Dâu áp thêm
Hoa Cẩm đời càng thêm cảnh sắc
Hoa Xương bồ rất mực thanh tao
Tử tô Kinh giới cũng hào
Hoa Vừng, hoa Đại ngạt ngào đua hương
Dâng Vạn thọ Cát tường sớm ứng
Dưới thềm loan sực nức hoa Tiêu
Dạ hương mấy đóa yêu kiều
Hoa Na, hoa Lựu mọi chiều thanh tân

Duyên kim cải đòi lần hương lửa
Mãn đường hồng hớn hở hoa Sung
Đeo mang đã trót hoa Bông
Hợp hoan rày lại duyên mong Tấn Tần
Hoa Bướm bướm chiều xuân giấc mộng
Hoa Sắn bìm sao giọng trêu người
Hoa Chanh, hoa Khê thêm tươi
Cải hoa Cam Cúc, miệng cười xinh xinh
Hoa Thược dược ra tình réo rắt
Rủ rê quan mừng mặt Đông quân
Móng tay hoa đã tới tuần
Phượng tiên cùng mấy Kỳ lân ứng điềm
Hoa Bách nhật êm êm giấc ngủ
Hoa Cẩm cù đầm ấm hơi dương
Dành dành càng nức mùi hương
Hoa Xoan, hoa Táo bên đường xúm quanh
Hoa Thiên lý trên cành phấp phới
Ngọ thời trà vừa tới thu trung
Phượng sào đã kén hoa Bông
Hoa Liêm, hoa Ngón cũng trong hoa thần
Đồng nam nữ thiên xuân báỉ hiến
Chúc trường sinh thọ tiến vô cương

Trầu Cau một nén tâm Hương
Trần châu một bức linh chương để truyên⁽¹⁾

- Bài thơ về trăm thứ hoa viết theo thể song thất lục bát, nhưng phần đầu chưa nghiêm luật, song nội dung liên quan đến các loài hoa thơm, hoa dại, đều có ích, ít nhiều điểm tô cho cảnh quan thiên nhiên. Qua đây khiến phải nghĩ về Mẫu, một biểu tượng của tự nhiên, biểu tượng sức sống của mọi sinh linh thật nhân ái và cũng thật phóng khoáng.

Bách dược luyện văn

(Bài văn luyện trăm thứ thuốc)
Cõi nhân trần ngỏ lòng chỉ thực
Cửa thiên tiên nhờ sức uy linh
Bạch đàn tiên cáo huyền minh
Biết cơ lấy đũa hoàng tinh kéo mà
Lưới hồ ma bủa tường, vây kẻ
Cờ lan mao tùy địa len vào
Rõ ràng đà giáp áo bào
Giáo ba kích, mũi vệ mâu ai bằng

(1) Linh chương : bài thơ linh ứng.

Bài thơ gồm 74 câu. Các câu thơ này đều có gắn tên một hay hai thứ hoa, ở đây tác giả dùng cả tên chữ lẫn tên Nôm, nên không chú thích chi tiết.

Gậy hổ trượng quý tăng thanh giải
Gươm mã đao ma đại hoàng kinh
Cổ bì lẫn tiếng kim linh
Mễ diêm ngũ đậu khao binh trịch tà
Tướng ngũ hành hỏa ma, mộc miết
Thổ phục linh, kim tích, thủy ngân
Cùng là thủy chí, thủy cần
Dự tri năm tướng phục thân ai đang
Tướng ngũ linh, tam hoàng trung đội
Xích thạch chi, thanh đại, thanh tương
Bạch vi, hắc sừ, hắc khương
Phá tan ô tặc, mở đường lục lâm
Tướng ngũ vị, khổ sâm, cam toại
Cùng mỗ hàm, mới lại tân di
Toan tương, toan táo lệ chi
Vân đằng, vũ giá đồng thì giáng chân
Đông phương thân chính đông bích thổ
Quản bách thiên toái bổ thiên ma
Tây phương hiệu tướng tây qua
Nam sài, bắc đảng ấy là tứ phương
Dương xuân tiết một trường phú quý
Lệ xuân hồng muôn vụng uy di

Vụ thu, thu thạch, thu quỳ
Hạ thì bán hạ, đông thì khoản đông
Tướng linh xa đã xung tứ tự
Vị tam tài đầu chữ thiên tương
Thứ hai địa cốt địa dương
Thứ ba nhân phát nhân hoàng nhân nha
Các thiên tinh trong tòa thập nhị
Thứ phụ là tướng tí phải chăng ?
Sửu thì ngưi tất, ngưi đằng
Dần là hổ hĩnh, mao bằng thổ ty
Tướng thìn kia du long kỳ dị
Xà sàng này tướng tị càng ghê
Ngọ thì mã liễu mã đề
Mùi linh dương giác, dậu kê, thần hầu
Đó cầu huân nào đầu chư đồ
Tuất hợi là triệt lộ tướng ta
Thân sa cùng với chu sa
Hùng hoàng giải độc ấy ba vị thân
Xin sứ quân tinh hai mươi tám
Liểu tây hà, thanh lām nê đầu
Nào là tất vát quát lâu
Nào là phục dực khiên ngâu hiện hình

Nào nữ trinh, nam tinh kim đầu
Nào tỉnh hoa quý cữu, nhân sâm
Lại sai lắng giác, quế tâm
Hen trong tam thất, thiêu châm bệnh phàm
Bà Vân Mẫu quyền tham bách bộ
Bất lưu hành tế độ biết bao
Vân đài là chốn thanh cao
Đồng nam, đồng nữ ra vào thiên môn
Tài thao lược vương tôn bá tử
Trận tung hoành lộ thủy lôi hoàn
Thung dung bày thế thường sơn
Ra uy cự thắng, rửa oan phú bồn
Tội bất xá cát căn tiến thảo
Quân vô danh tróc đảo xa tiên
Trị tà giở phép mã chiên
Cứu người lấy nước bán thiên tươi vào
Tay quyết cao xạ can 10 vị
Cùng sơn chi thập nhị thời thân
Lại ghê tay ấn kỳ lân
Bạch xà mười ngọn, tám chân bành kỳ
Phù mộc bút tức thì lai phục
Thuốc tô phương lập khắc hoàn nguyên

Mới hai là phép cảnh thiên
Tự nhiên quán chung bình yên trên đời
Khói trầm hương lòng người thành kính
Mùi kim ngân thanh tịnh khẩn cầu
Giúp cho thương nhĩ bạch đầu
Thiên linh vạn tuế, sang giàu, trường sinh.

- Bài thơ về trăm thứ thuốc mà Mẫu giảng bút, như giới thiệu trăm loại dược liệu có sẵn, có thể dùng để trị bệnh cứu người. Ấy vậy mà ai cũng hiểu, cũng thấy đâu? Nhưng ý tứ của bài còn hàm súc một mục đích cao hơn, mục đích xây dựng cho nhân loại có tính thiện, tính nhân văn. Cụ thể hơn là ghép tên các vị thuốc vào, để chấp thành câu văn răn dạy người đời làm điều lành, tránh điều dữ xảy ra. Tất không phải là bài thuốc để chữa bệnh trong y học, nhưng cũng rất bổ ích. Phải chăng các bài giảng bút như trên đã làm tăng thêm sự mâu nhiệm cho chương sử thi Mẫu Liễu. Và nếu suy ngẫm chín chắn sẽ thấy sự nghiêm túc, sự cần thiết trong lễ sống đối với hình thức văn hóa nguyên sinh như sử thi Mẫu Liễu. Và phải chăng đây cũng là đời sống tinh thần nhằm điều hòa tình cảm, lý trí trong đời sống xã hội, nhất là cuộc sống hiện tại phải đón nhận nhiều luồng "gió mới" của bạn bè bốn bể năm châu.

sự bất công, éo le, bi thảm mà đương thời đã dày
đọa loài người, đặc biệt là phụ nữ.

Dân gian cũng cần sáng tạo ra nghi thức tín
ngưỡng nhằm giải tỏa ức chế, cho giờ phút nào đó
được vui, được làm người tự do không bị áp bức. Nói
rõ ra là hình thức đồng bóng với các giá này, ghé
nọ để giữa các thần linh và người đời được vui hòa,
quên đi các mối suy tư phiền muộn mà cuộc
sống đời thường đã buộc vào cho họ.

Song trong sự hành lễ cũng có sự thái quá, khiến
tốn kém, lại có phần nhằm nhí cần gạt bỏ. Gạt bỏ
cái sai trái để con đường đến với Mẫu được tốt
đẹp hơn.

Mẫu Liễu sử thi, tập sách nhỏ đề cập những thơ
ca, bi ký đối liên đang tồn tại khắp mọi nơi, đặc
biệt là Phủ Dầy, Tây Hồ, Sông Sơn, Hà Nam...
sẽ giúp độc giả hiểu thêm về tín ngưỡng Đạo Mẫu
Việt Nam. Hiểu về Đạo Mẫu tức là kết hợp dòng
văn hóa bác học đang ngày càng phát triển, với
dòng văn hóa dân gian làm sáng tỏ thêm bản sắc,
bản lĩnh dân tộc. Hiểu đạo Mẫu để bảo tồn, phát
huy điều hay, hạn chế lẽ dở để quy tụ sức mạnh
toàn dân sống vui, đặng hăng hái trong công tác,
sản xuất góp phần đưa đất nước tiến lên.

Mẫu Liễu sử thi tuy đã công phu, song còn trong
mức độ hạn hẹp, đang dừng lại ở mức suy tư khó
nói, nên độc giả cho là chung chung. Đành vậy !
Vì viết về huyền tích rất khó đạt đến đỉnh cao khoa
học. Mong quý bạn đọc thông cảm.

Sự ra đời của tập sách có sự cộng tác của nhà
nghiên cứu Hán Nôm Dương Văn Vượng, có sự quan
tâm của Hội văn nghệ dân gian Việt Nam, các cơ
quan văn hóa, văn học nghệ thuật các tỉnh liên
quan, đặc biệt là Hà Nam, Nam Định. Sự giúp đỡ
nhiệt tình của vị thủ nhang phủ Tiên Hương
(Phủ Dầy) và các đền phủ khác liên quan đã tạo
điều kiện cho thành công. Hy vọng đây là cuốn
sách hữu ích, những tư liệu quý hiếm giúp độc giả
suy ngẫm. Suy ngẫm để gắn đạo và đời đồng hành
tiến lên, xây dựng đất nước, xã hội mới văn minh,
hạnh phúc và no ấm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Truyền kỳ tân phả - Hồng Hà Đoàn Thị Điểm.
 - Nam Định tỉnh Chí - Khiếu Năng Tĩnh (chữ Hán).
 - Liễu Hạnh công chúa diễn âm - Nguyễn Công Trứ
niên hiệu Thành Thái.
 - Vân Cát thân nữ - Vũ Ngọc Khánh
 - Tam tòa Thánh Mẫu - Nhà xuất bản Văn hóa
dân tộc 1991
 - Mẫu Liễu đạo và đời - Đặng Văn Lung - 1999
 - Sự tích dân gian Việt Nam - Nhà XB phụ nữ - 1999
 - Cát thiên tam thế thực lục - Bản chữ Hán niên
hiệu Duy Tân - Quý Sửu 1913.
 - Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam - 1975
 - Nam Hà di tích và danh thắng - Sở VH TT - 1994
 - Hồ sơ di tích Phủ Dầy
 - Tư liệu Hán Nôm, văn bia Phủ Dầy
- Cùng nhiều thư tịch, bi ký, câu đối ở các di tích
thuộc nhiều tỉnh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>* Lời nói đầu</i>	3
<i>* Chương I : Huyền tích Mẫu Liễu</i>	
1. Đôi điều lai lịch	7
2. Lai lịch công chúa Liễu Hạnh qua các dị bản	11
<i>* Chương II :</i>	
Ảnh hưởng của tục thờ Mẫu Liễu	
Thơ - Câu đối - Bi ký	19
<i>* Chương III :</i>	
1. Từ nghi thức hành lễ đến lễ hội	120
2. Giáng bút trong nghi lễ và văn châu	124
<i>* Thay lời kết :</i>	154

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
SỬ HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
PGS. TS HOÀNG NAM

Biên tập : HOÀNG TUẤN CỬ
Trình bày bìa : TRƯỜNG KHÁNH
Sửa bản in : TÁC GIẢ

Ảnh bìa 1 : Phủ Dầy Nam Định.

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty in Hà Nam
Giấy phép xuất bản số : 161/XB-QLXB ngày 24-2-2000
của Cục Xuất bản. In xong, nộp lưu chiểu quý I-2000.